

Bản án số: 101/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-10-2021

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia
đình: Ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Phước
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Trí Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình: Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 179^A/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2021, Thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử vụ án số 289/TB-TA ngày 08 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Bích C, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp TH, xã VT, huyện TS, tỉnh An Giang

Địa chỉ liên lạc: Tổ 9, ấp DT, xã BG, huyện HD, tỉnh Kiên Giang

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TH, xã VT, huyện TS, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Bích C; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị C và anh N do tự tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn ngày 18/6/2012 tại UBND xã Vọng Thê, huyện Thoại Sơn,

tỉnh An Giang. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến khi kinh tế gia đình khá giả hơn thì giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N sinh tật ăn chơi, không còn chăm lo cho gia đình, mặc dù chị C đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng không được nên mâu thuẫn vợ chồng càng lúc càng nghiêm trọng, do đó chị C đã mang theo 03 đứa con nhỏ lên Bình Dương làm ăn, sau đó thì anh N cũng lên theo. Vì vẫn còn thương chồng, con và mong muốn anh N thay đổi để xây dựng lại gia đình nên chị C đã đồng ý tha thứ cho anh N nhưng chỉ được một thời gian thì anh N vẫn như trước đây, chỉ biết lo cho bản thân, không chăm lo gia đình, sau đó thì bỏ qua Phú Quốc làm ăn, từ đó chị C cũng ít khi liên lạc với anh N. Sau đó, chị C đã nộp đơn yêu cầu ly hôn với anh N, nhưng qua sự động viên của Tòa án, chị C cũng muốn cho anh N thêm một cơ hội để sửa đổi nên đã rút lại đơn khởi kiện. Sau đó, do nhận thấy không anh N không sửa đổi, không có thiện chí cùng chị tiếp tục xây dựng gia đình nên chị C nộp lại đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, chị C và anh N có 03 người con chung gồm: Nguyễn Văn Q, sinh ngày 23/10/1997, Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 13/4/2002 và Nguyễn Văn P, sinh ngày 18/4/2008. Hai cháu Q và N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu P hiện còn nhỏ và đang chung sống với chị C. Khi ly hôn, chị C yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Nguyễn Văn N trình bày:

Về điều kiện tiền đến hôn nhân như chị C trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó một thời gian thì anh N có lơ là, không quan tâm đến gia đình nên giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nhưng khi suy nghĩ lại nhận thấy bản thân có lỗi nên anh N đã cố gắng thay đổi để cùng chị C xây dựng gia đình. Trước đây, chị C đã có lần nộp đơn yêu cầu ly hôn, nhưng qua động viên của Tòa án, chị C đã rút lại yêu cầu khởi kiện. Sau đó, do tình hình kinh tế khó khăn, anh N cũng chưa có cơ hội cùng chị C hàn gắn tình cảm, đến nay chị C lại tiếp tục yêu cầu ly hôn nhưng anh không đồng ý ly hôn vì vẫn còn thương vợ, con và mong muốn được hàn gắn để xây dựng gia đình, nuôi dạy các con.

Quá trình chung sống anh N và chị C có 03 người con chung là Nguyễn Văn Q, sinh năm 1997, Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 2002 và Nguyễn Văn P, sinh năm 2008. Hai cháu Q và N đã lớn, còn cháu P hiện đang sống với chị C, nếu ly hôn thì tùy nguyện vọng của con, nếu con muốn sống với mẹ thì anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Chị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ly hôn anh N. Đối với cháu Phụng hiện nay đang sống chung với chị C, tùy nguyện vọng của con, nếu con muốn tiếp tục sống với chị thì chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

- Anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án thông báo triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Anh N vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C, cho chị C ly hôn anh N; giao cháu Nguyễn Văn P cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng, anh N không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết. Chị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Chị Phạm Thị Bích C và anh Nguyễn Văn N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26, do UBND xã Vọng Thê cấp ngày 18/6/2012). Anh Nguyễn Văn N có hộ khẩu thường trú tại ấp TH, xã VT, huyện TS, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn N vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] *Xét việc tranh chấp:*

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh N xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 18/6/2012 tại UBND xã Vọng Thê, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Theo chị C trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N không quan tâm đến gia đình, chỉ biết hưởng thụ bản thân, nhiều lần chị C muốn chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh N nhưng vì còn thương chồng, thương con nên đã cho anh N nhiều cơ hội sửa đổi, tuy nhiên anh N vẫn không thay đổi. Gần đây nhất là khoảng hơn 01 năm trước, chị C đã nộp đơn yêu cầu ly hôn, nhưng quá trình giải quyết vụ án được sự động viên, hòa giải của Tòa án và anh N cũng hứa bản thân sẽ thay đổi nên chị đã rút lại yêu cầu khởi kiện để vợ chồng có thêm cơ hội hàn gắn, cùng nhau xây dựng gia đình. Nhưng sau đó, anh N vẫn tiếp tục không quan tâm vợ con, mượn cớ đi làm ăn, bỏ bê gia đình, không phụ tiếp chị C, cũng không có thiện chí gì muốn hàn gắn. Do nhận thấy mâu thuẫn giữa cả hai đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên chị C tiếp tục khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh N.

Anh N thừa nhận đã có thời gian bỏ bê gia đình, không quan tâm vợ con, nhưng sau đó anh đã hối hận và mong muốn hàn gắn với chị C. Trước đây, khi chị C nộp đơn ly hôn anh cũng hứa hẹn sẽ thay đổi nên chị C đã rút lại đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau đó vì hoàn cảnh anh phải đi làm ăn xa, thời gian đầu chưa ổn định nên cũng chưa có cơ hội thể hiện sự quan tâm gia đình, sau đó thì chị C tiếp tục nộp đơn yêu cầu ly hôn. Do anh N vẫn còn thương vợ con, mong muốn tiếp tục hàn gắn nên không đồng ý ly hôn.

[3.2] Thấy rằng, hôn nhân muốn tồn tại và phát triển cần xuất phát từ tình cảm và sự tự nguyện chung sống của vợ chồng. Trong quá trình chung sống giữa chị C và anh N không tìm được tiếng nói chung, không có sự Ca sẽ và thấu hiểu khiến cho tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn càng lúc càng nghiêm trọng hơn nhưng không có biện pháp hàn gắn. Chị C và anh N cũng đã được Tòa án hòa giải, động viên để hàn gắn nhưng không thành, chị C vẫn cương quyết muốn ly hôn, anh N không đồng ý nhưng cũng không có giải pháp hàn gắn hiệu quả cho thấy mâu thuẫn giữa cả hai đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị C yêu cầu ly hôn là có cơ sở chấp nhận. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C.

[4] *Về con chung*: Chị C và anh N trình bày có 03 con chung tên Nguyễn Văn Q, sinh ngày 23/10/1997, Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 13/4/2002 và Nguyễn Văn P, sinh ngày 18/4/2008. Xét thấy, hai cháu Q và N đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Nguyễn Văn P, sinh ngày 18/4/2008, hiện đang sống cùng chị C. Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu P qua đó thể hiện nguyện vọng cháu muốn tiếp tục sống cùng với mẹ nếu cha mẹ ly hôn. Thấy rằng việc giao cháu P cho chị C chăm sóc, nuôi dưỡng nhằm ổn định tâm lý, giúp cháu có thể phát triển lành mạnh nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Nguyễn Văn P cho chị C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Tòa án đã giải thích cho chị C biết về quyền yêu cầu cấp dưỡng đối với người trực tiếp nuôi con cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng đối với người không trực tiếp nuôi con nhưng chị C không yêu cầu anh N cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị C về việc không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị C và anh N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị Phạm Thị Bích C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn N không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Bích C.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Thị Bích C được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 26 do UBND xã Vọng Thê cấp ngày 18/6/2012 cho anh Nguyễn Văn N và chị Phạm Thị Bích C không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Văn P, sinh ngày 18/4/2008 cho chị Phạm Thị Bích C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn N không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn N và các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của chị Phạm Thị Bích C. Chị Phạm Thị Bích C và các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Văn N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. *Về án phí*: Chị Phạm Thị Bích C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị C đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0008332 ngày 20 tháng 4 năm 2021 của C cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn. Anh Nguyễn Văn N không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các C phí tố tụng khác.

3. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện Thoại Sơn (1);
- THADS huyện Thoại Sơn (1);
- UBND xã Vọng Thê (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Linh